BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

MINISTRY OF EDUCATION AND TRAINING

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**HO CHI MINH CITY OPEN UNIVERSITY**

**ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC**

**COURSE SPECIFICATION**

**NGÀNH: KẾ TOÁN**

**HÌNH THỨC ĐÀO TẠO: CHÍNH QUY**

1. **Thông tin tổng quát - General information**
   1. Tên môn học tiếng Việt/Course title in Vietnamese: HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN 2

Mã môn học/Course code: ACCO3303

* 1. Tên môn học tiếng Anh/ Course title in English: ACCOUNTING INFORMATION SYSTEM 2
  2. Phương thức giảng dạy/Mode of delivery:

☐ Trực tiếp/FTF ☐ Trực tuyến/Online ☒ Kết hợp/Blended

* 1. Ngôn ngữ giảng dạy/Language(s) for instruction:

☒ Tiếng Việt/Vietnamese ☐ Tiếng Anh/English ☐ Cả hai/Both

* 1. Thuộc thành phần kiến thức/kỹ năng/ Knowledge/Skills:

☐ Giáo dục đại cương/General ☐ Kiến thức chuyên ngành/Major

☐ Kiến thức cơ sở/Foundation ☐ Kiến thức bổ trợ/Additional

☒ Kiến thức ngành/Discipline ☐ Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp/Graduation thesis

* 1. Số tín chỉ/Credits

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tổng số/Total | Lý thuyết/Theory | Thực hành/Practice | Số giờ tự học/Self-study |
| 03 | 03 | 00 | 105 |

* 1. Phụ trách môn học-Administration of the course

1. Khoa/Bộ môn/Faculty/Division: Khoa Kế toán-Kiểm toán/ Hệ thống thông tin kế toán
2. Giảng viên/Academics: Vũ Quốc Thông
3. Địa chỉ email liên hệ/Email: thong.vq@ou.edu.vn
4. Phòng làm việc/Room: Phòng 105, 35-37 Hồ Hảo Hớn, P. Cô Giang, Quận 1, TPHCM
5. **Thông tin về môn học-Course overview**
   1. Mô tả môn học/Course description:

Môn học này cung cấp kiến thức nền tảng về Hệ thống thông tin kế toán (HTTTKT), giúp sinh viên tiếp cận HTTTKT trên phần mềm. Trong môn học, sinh viên sẽ thực hành thiết lập, vận hành, kiểm soát HTTTKT cho doanh nghiệp vừa và nhỏ. Sinh viên được hướng dẫn đánh giá để lựa chọn phần mềm kế toán (PMKT) giúp cho việc tổ chức công tác kế toán tài chính tại doanh nghiệp. Người học sẽ được tiếp cận và thực hành được các nghiệp vụ trên các phân hệ cơ bản của PMKT. Môn học giúp người học thực hiện công việc hiệu quả và phối hợp tốt trên môi trường kế toán máy. Ngoài ra, môn học cũng tạo điều kiện cho người học rèn luyện kỹ năng giao tiếp và thể hiện tinh thần trách nhiệm trong làm việc nhóm.

* 1. Môn học điều kiện/Requirements:

| STT/No. | Môn học điều kiện/ Requirements | Mã môn học/Code |
| --- | --- | --- |
|  | Môn tiên quyết/Pre-requisites |  |
|  | Môn học trước/Preceding courses |  |
|  | Hệ thống thông tin kế toán 1 | ACCO3315 |
| 3. | Môn học song hành/Co-courses |  |

* 1. Mục tiêu môn học/Course objectives

| **Mục tiêu môn học/ Course objectives** | **Mô tả - Description** | **CĐR CTĐT phân bổ cho môn học - PLOs** |
| --- | --- | --- |
| CO1 | Ứng dụng phần mềm cho tổ chức hệ thống thông tin kế toán. | PLO6.2, PLO6.3 |
| CO2 | Thực hiện được các nghiệp vụ ở những phân hệ kế toán trên phần mềm. | PLO8.1, PLO9.3 |
| CO3 | Có khả năng phối hợp trong làm việc nhóm. | PLO10 |

* 1. Chuẩn đầu ra (CĐR) môn học – Course learning outcomes (CLOs)

Học xong môn học này, người học có khả năng

| **Mục tiêu môn học/ Course objectives** | **CĐR môn học**  **(CLO)** | **Mô tả CĐR –Description** |
| --- | --- | --- |
| CO1 | CLO1 | Tiếp cận phần mềm kế toán. |
| CLO2 | Lựa chọn phần mềm kế toán cho doanh nghiệp. |
| CO2 | CLO3 | Tổ chức dữ liệu kế toán trong cơ sở dữ liệu của phần mềm. |
| CLO4 | Nhập liệu, xử lý dữ liệu và kết xuất báo cáo từ phần mềm. |
| CO3 | CLO5 | Phối hợp thực hiện công việc được giao hiệu quả và đúng thời gian. |

Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của môn học và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Chỉ đánh số từ mức 3 (đáp ứng trung bình) trở lên)

| **CLOs** | **PLO6.2** | **PLO6.3** | **PLO8.1** | **PLO9.3** | **PLO10** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CLO1** | 5 | 5 |  |  |  |
| **CLO2** | 4 | 4 |  |  |  |
| **CLO3** |  |  | 4 |  |  |
| **CLO4** |  |  |  | 4 |  |
| **CLO5** |  |  |  |  | 4 |

* 1. Học liệu – Textbooks and materials
     1. *Giáo trình-Textbooks*

[1] Vũ Quốc Thông (CB), Trần Minh Ngọc và Nguyễn Hoàng Phi Nam. Hệ thống thông tin kế toán 2. Nhà xuất bản kinh tế TP. HCM (Tái bản lần thứ 1), 2021. [61807]

* + 1. *Tài liệu tham khảo)/Other materials*

[2] Marshall B. Romney, Paul J. Steinbart, Scott L. Summers and David A. Wood, Accounting Information Systems, 15th edition, Global Edition. Pearson Education Limited, 2021 [57054]

* + 1. *Phần mềm/Software*

*[3] Công ty CP Misa (bản 2021 R7). Phần mềm kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa Misa SME, 2021.*

* 1. Đánh giá môn học/Student assessment

| Thành phần đánh giá/ Type of assessment | Bài đánh giá / Assessment methods | Thời điểm/ Assemment time | CĐR môn học/ CLOs | Tỷ lệ % Weight % |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| (1) | (2) | (3) | (4) |  |
| A1. Đánh giá quá trình/Formative assessment | A.1.1 Bài tập tự luận | Sau chương 6 | CLO1, CLO3, CLO5 | 5% |
| A.1.2 Bài tập thực hành | Trong quá trình học chương 2, chương 3 | CLO3, CLO4 | 10% |
| A.1.3 Bài tập thảo luận | Sau chương 1 | CLO1, CLO2 | 5% |
| ***Tổng cộng*** |  |  | ***20%*** |
| A2. Đánh giá giữa kỳ/ Mid-term assessment | A.2.1 Bài kiểm tra giữa kỳ cá nhân | Sau chương 4 | CLO3, CLO4 | ***30%*** |
| A3. Đánh giá cuối kỳ /End-of-course assessment | A.3.1 Bài thi trắc nghiệm | Sau khi kết thúc môn học | CLO1--> CLO4 | ***50%*** |
| **Tổng cộng/Total** | |  |  | **100%** |

1. *Hình thức – Nội dung – Thời lượng của các bài đánh giá/Assessment format, content and time:*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Bài đánh giá | Hình thức | Nội dung | Thời lượng | Công cụ đánh giá |
| A.1.1 Bài tập tự luận | [BTTL01] thực hiện bài tập tự luận trên hệ thống LMS | Bài tự luận để sinh viên đánh giá kiến thức tổ chức dữ liệu trên hệ thống. | 30 phút/bài | Rubrics 1 |
| A.1.2 Bài tập thực hành | [BTTH01 làm bài tập thực hành trên phần mềm kế toán tại phòng máy | Bài tập thực hành để giúp sinh viên thao tác cách thức tổ chức dữ liệu và thao tác trên các phân hệ kế toán. | 45 phút/bài | Rubrics 2 |
| A.1.3 Bài tập thảo luận | [TL01] Thảo luận trên diễn đàn LMS. | Thảo luận trên diễn đàn giúp sinh viên nắm được kiến thức HTTTKT | 15 phút/bài | Rubrics 3 |
| A.2.1 Bài kiểm tra giữa kỳ cá nhân | Thực hiện bài tập thực hành tại lớp học trực tiếp | Bài đánh giá nội dung học tập từ chương 1 đến chương 4 | 90 phút | Ma trận đề thi 1 |
| A.3.1 Bài tập trắc nghiệm | Thực hiện bài thi theo theo kế hoạch thi học kỳ của nhà trường | Bài đánh giá nội dung học tập từ chương 1 đến chương 6 | 60 phút | Ma trận đề thi 2 |

1. *Rubrics (bảng tiêu chí đánh giá): Xem phụ lục đề cương môn học* 
   1. Kế hoạch giảng dạy (Tỷ lệ trực tuyến/ Teaching schedule): 13%
      1. Áp dụng cho buổi học 5 tiết/buổi

| Tuần/buổi học  Week  Section | Nội dung  Content | CĐR môn học  CLOs | Hoạt động dạy và học/Teaching and learning | | | | | | | | | | | | | | | Bài đánh giá  Student assessment | Tài liệu chính và tài liệu tham khảo  Textbooks and materials |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tự học/Self-study | | | Trực tiếp/FTF | | | | | | | | Trực tuyến (nếu có)/Online (if any) | | | |
| Lý thuyết/Theory | | | | Thực hành/Practice | | | | Lý thuyết/Theory | | | |
| Hoạt động  Activity | Số giờ  Periods | | Hoạt động  Activity | | Số giờ  Periods | | Hoạt động  Activity | | Số giờ  Periods | | Hoạt động  Activity | | Số giờ  Periods | |
| (1) | (2) | (3) | (4) |  | | (5) | |  | | (6) | |  | | (7) | |  | | (8) | (9) |
| 1 | **Giới thiệu môn học**  **Chương 1: Tiếp cận phần mềm kế toán**  1.1 Giới thiệu mô hình hoạt động của PMKT.  1.2 Lợi ích của việc ứng dụng PMKT.  1.3 Phân loại PMKT.  1.4 Quy định về tiêu chuẩn và điều kiện của PMKT.  1.5 Điều kiện cho việc áp dụng PMKT tại DN.  1.6 Lựa chọn PMKT tại DN.  1.7 Tiếp cận PMKT. | CLO1, CLO2 | Tìm hiểu mô hình hoạt động, lợi ích của PMKT, việc phân loại PMKT, những quy định về điều kiện của PMKT, việc lựa chọn PMKT và các bước tiếp cận PMKT trong tài liệu [1], [2]  - Làm bài tập thảo luận trên LMS (TL-01) | 13 | | Giảng viên:  - Thuyết giảng nội dung bài học  - Hướng dẫn sinh viên tiếp cận PMKT minh họa | | 5 | |  | |  | | Giảng viên:  - Cung cấp bài giảng VD-01;  Hướng dẫn Sinh viên đăng nhập và tiếp cận phần mềm kế toán minh họa | | 1,5 | | A.1.3 | [1], [2] |
| 2 | **Chương 2: Những khai báo ban đầu trên phần mềm kế toán**  2.1 Triển khai PMKT thương phẩm trong doanh nghiệp  2.2 Các bước cài đặt PMKT  2.3 Những khai báo ban đầu trên PMKT | CLO3, CLO5 | - Trình bày triển khai PMKT thương phẩm trong DN, lưu ý các bước cài đặt PMKT, hướng dẫn những khai báo ban đầu trên PMKT. trong tài liệu [1], [3]  - Làm bài tập thực hành (BTTH-01) | 13 | | Giảng viên Thuyết giảng nội dung bài học | | 5 | |  | |  | |  | |  | | A.1.2 | [1], [3] |
| 3 | **Chương 3: Các nghiệp vụ cơ bản trên phần mềm kế toán**  Kế toán mua hàng (KTMH) và công nợ phải trả  3.1. Khái niệm quy trình mua hàng  3.2. Các chức năng trên phân hệ KTMH  3.3. Các nghiệp vụ phát sinh – nhập liệu trên PMKT.  3.4. Một số lỗi thường gặp khi Thực hành được các nghiệp vụ trên PMKT. | CLO4, CLO5 | - Tìm hiểu các nghiệp vụ kế toán mua hàng và công nợ phải trả trong tài liệu [1], [3]  - Làm bài tập thực hành (BTTH-01) | 14 | | Giảng viên:  - Thuyết giảng nội dung bài học  - Hướng dẫn thao tác liên quan đến KTMH và công nợ phải trả. | | 5 | |  | |  | | Giảng viên:  - Cung cấp bài giảng VD-02 – Hướng dẫn thao tác các trường hợp đặc biệt trong KTMH | | 1,5 | | A.1.2 | [1], [3] |
| 4 | **Chương 3: Các nghiệp vụ cơ bản trên phần mềm kế toán (tiếp)**  Phân hệ kế toán Kho và Phân hệ kế toán TSCĐ  3.5. Khái niệm quy trình kho và mua sắm TSCĐ  3.6. Các chức năng trên phân hệ Kho và phân hệ TSCĐ.  3.7. Các nghiệp vụ phát sinh – nhập liệu trên PMKT. | CLO4, CLO5 | - Tìm hiểu các nghiệp vụ kế toán kho và TSCĐ trong tài liệu [1], [3]  - Làm bài tập thực hành (BTTH-01) | 13 | | Giảng viên:  - Thuyết giảng nội dung bài học  - Hướng dẫn thao tác các chức năng liên quan đến kế toán kho và TSCĐ | | 5 | |  | |  | | Giảng viên:  - Cung cấp bài giảng VD-03 – Hướng dẫn thao tác và trao đổi về kế toán quản lý kho. | | 1,5 | | A.1.2 | [1], [3] |
| 5 | **Chương 3: Các nghiệp vụ cơ bản trên phần mềm kế toán (tiếp)**  Phân hệ kế toán Bán hàng (KTBH)  3.8. Khái niệm quy trình bán hàng.  3.9. Các chức năng trên phân hệ Bán hàng.  3.10. Các nghiệp vụ phát sinh – nhập liệu trên PMKT. | CLO4, CLO5 | - Tìm hiểu các nghiệp vụ kế toán mua hàng và công nợ phải trả trong tài liệu [1], [3]  - Làm bài tập thực hành (BTTH-01) | 13 | | Giảng viên:  - Thuyết giảng nội dung bài học  - Hướng dẫn thao tác liên quan đến KTBH và công nợ phải thu. | | 5 | |  | |  | |  | |  | | A.1.2 | [1], [3] |
| 6 | **Chương 3: Các nghiệp vụ cơ bản trên phần mềm kế toán (tiếp)**  Phân hệ kế toán Vốn bằng tiền  3.11. Khái niệm về quy trình thanh toán  3.12. Các chức năng trên phân hệ Quỹ và phân hệ Ngân hàng.  3.13. Các nghiệp vụ phát sinh – nhập liệu trên PMKT.  **Chương 4: Kế toán tổng hợp trên phần mềm**  4.1. Thực hành được các nghiệp vụ các bút toán cuối kỳ. | CLO3,  CLO4, CLO5 | - Tìm hiểu các nghiệp vụ kế toán thanh toán và kế toán tổng hợp trên PMKT  - Làm bài tập thực hành (BTTH-01) | 13 | | Giảng viên:  - Thuyết giảng nội dung môn học  - Hướng dẫn thao tác các chức năng liên quan đến kế toán vốn bằng tiền | | 5 | |  | |  | | - Cung cấp bài giảng VD-04 - Hướng dẫn Sinh viên thực hành kế toán vốn bằng tiền | | 1,5 | | A.1.2 | [1], [3] |
| 7 | **Chương 4: Kế toán tổng hợp trên phần mềm (tiếp)**  4.2. Thiết lập các tài khoản kết chuyển và xác định kết quả kinh doanh.  4.3. Khóa sổ và tạo lập BCTC.  **Kiểm tra giữa kỳ**  **Chương 5: Khai thác thông tin kế toán trên PMKT**  5.1. Báo cáo và. Sổ sách kế toán  5.2. Kết xuất báo cáo kế toán từ PMKT | CLO3, CLO5 | Hướng dẫn cho sinh viên cách thiết lập TK kết chuyển, khóa sổ, tạo lập sổ sách, báo cáo kế toán và thực hiện kết xuất báo cáo từ phần mềm trong tài liệu [1], [3]. | 13 | | Giảng viên:  - Thuyết giảng nội dung môn học  - Thao tác các nghiệp vụ kế toán, kết chuyển, xác định kết quả kinh doanh và kết xuất BC | | 5 | |  | |  | |  | |  | | A.2.1 | [1], [3] |
| 8 | **Chương 6: Quản lý dữ liệu kế toán**  6.1. Tổ chức dữ liệu kế toán thông qua mô hình liên kết thực thể.  6.2. Truy vấn dữ liệu kế toán.  6.3. Tác động của CNTT đến lưu trữ dữ liệu kế toán.  **Ôn tập** | CLO3, CLO5 | Tìm hiểu quản lý dữ liệu kế toán trên ứng dụng trong các tài liệu [1], [2] và [3]  - Làm bài tập tự luận trên LMS (BTTL-01) | 13 | | Giảng viên:  - Thuyết giảng nội dung môn học  - hướng dẫn sinh viên các nội dung ôn tập | | 4 | |  | |  | |  | |  | | A.1.1, A.1.3 | [1], [2], [3] |
| Tổng cộng/Total | | |  | | **105** | |  | | **39** | |  | | **0** | |  | | **6** |  |  |

* + 1. Áp dụng cho buổi học 3 tiết/buổi

| Tuần/buổi học  Week  Section | Nội dung  Content | CĐR môn học  CLOs | Hoạt động dạy và học/Teaching and learning | | | | | | | | | | | | | | | Bài đánh giá  Student assessment | | Tài liệu chính và tài liệu tham khảo  Textbooks and materials | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tự học/Self-study | | | Trực tiếp/FTF | | | | | | | | Trực tuyến (nếu có)/Online (if any) | | | |
| Lý thuyết/Theory | | | | Thực hành/Practice | | | | Lý thuyết/Theory | | | |
| Hoạt động  Activity | | Số giờ  Periods | Hoạt động  Activity | | Số giờ  Periods | | Hoạt động  Activity | | Số giờ  Periods | | Hoạt động  Activity | | Số giờ  Periods | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | |  | (5) | |  | | (6) | |  | | (7) | |  | | (8) | | (9) | |
| 1 | **Giới thiệu môn học**  **Chương 1: Tiếp cận phần mềm kế toán**  1.1 Giới thiệu mô hình hoạt động của PMKT.  1.2 Lợi ích của việc ứng dụng PMKT.  1.3 Phân loại PMKT. | CLO1, CLO2 | Tìm hiểu mô hình hoạt động, lợi ích của PMKT, việc phân loại PMKT trong tài liệu [1], [2]  - Làm bài tập thảo luận trên LMS (TL-01) | | 8 | Giảng viên:  - Thuyết giảng nội dung bài học  - Hướng dẫn sinh viên tiếp cận PMKT minh họa | | 3 | |  | |  | | Giảng viên:  - Cung cấp bài giảng VD-01;  Hướng dẫn Sinh viên đăng nhập và tiếp cận phần mềm kế toán minh họa | | 1.5 | | A.1.3 | | [1], [2] | |
| 2 | **Chương 1: Tiếp cận phần mềm kế toán (tiếp)**  1.4 Quy định về tiêu chuẩn và điều kiện của PMKT.  1.5 Điều kiện cho việc áp dụng PMKT tại DN.  1.6 Lựa chọn PMKT tại DN.  1.7 Tiếp cận PMKT. | CLO1, CLO2 | Tìm hiểu những quy định về điều kiện của PMKT, việc lựa chọn PMKT và các bước tiếp cận PMKT trong tài liệu [1], [2]  - Làm bài tập thảo luận trên LMS (TL-01) | | 8 | Giảng viên Thuyết giảng nội dung bài học | | 3 | |  | |  | |  | |  | | A.1.3 | | [1], [2] | |
| 3 | **Chương 2: Những khai báo ban đầu trên phần mềm kế toán**  2.1 Triển khai PMKT thương phẩm trong doanh nghiệp  2.2 Các bước cài đặt PMKT  2.3 Những khai báo ban đầu trên PMKT | CLO3, CLO5 | - Trình bày triển khai PMKT thương phẩm trong DN, lưu ý các bước cài đặt PMKT, hướng dẫn những khai báo ban đầu trên PMKT. trong tài liệu [1], [3]  - Làm bài tập thực hành (BTTH-01) | | 9 | Giảng viên:  - Thuyết giảng nội dung bài học | | 3 | |  | |  | |  | |  | | A.1.2 | | [1], [3] | |
| 4 | **Chương 2: Những khai báo ban đầu trên phần mềm kế toán (tiếp)**  2.3 Những khai báo ban đầu trên PMKT | CLO3, CLO5 | - Hướng dẫn những khai báo ban đầu trên PMKT. trong tài liệu [1], [3]  - Làm bài tập tự luận trên LMS (BTTL-02) tiếp | | 8 | Giảng viên:  - Thuyết giảng nội dung bài học  - Hướng dẫn thao tác liên quan đến khai báo dữ liệu danh mục và nhập số dư đầu | | 3 | |  | |  | |  | |  | | A.1.2 | | [1], [2], [5], [6] | |
| 5 | **Chương 3: Các nghiệp vụ cơ bản trên phần mềm kế toán**  Kế toán mua hàng (KTMH) và công nợ phải trả  3.1. Khái niệm quy trình mua hàng  3.2. Các chức năng trên phân hệ KTMH  3.3. Các nghiệp vụ phát sinh – nhập liệu trên PMKT.  3.4. Một số lỗi thường gặp khi Thực hành được các nghiệp vụ trên PMKT. | CLO4, CLO5 | - Tìm hiểu các nghiệp vụ kế toán mua hàng và công nợ phải trả trong tài liệu [1], [3]  - Làm bài tập thực hành (BTTH-01) | | 8 | Giảng viên:  - Thuyết giảng nội dung bài học  - Hướng dẫn thao tác liên quan đến KTMH và công nợ phải trả. | | 3 | |  | |  | | Giảng viên:  - Cung cấp bài giảng VD-02 – Hướng dẫn thao tác các trường hợp đặc biệt trong KTMH | | 1.5 | | A.1.2 | | [1], [3] | |
| 6 | **Chương 3: Các nghiệp vụ cơ bản trên phần mềm kế toán (tiếp)**  Phân hệ kế toán Kho và Phân hệ kế toán TSCĐ  3.5. Khái niệm quy trình kho và mua sắm TSCĐ  3.6. Các chức năng trên phân hệ Kho và phân hệ TSCĐ.  3.7. Các nghiệp vụ phát sinh – nhập liệu trên PMKT. | CLO4, CLO5 | - Tìm hiểu các nghiệp vụ kế toán kho và TSCĐ trong tài liệu [1], [3]  - Làm bài tập thảo luận trên LMS (TL-01) | | 8 | Giảng viên:  - Thuyết giảng nội dung bài học  - Hướng dẫn thao tác các chức năng liên quan đến kế toán kho và TSCĐ | | 3 | |  | |  | | Giảng viên:  - Cung cấp bài giảng VD-03 – Hướng dẫn thao tác và trao đổi về kế toán quản lý kho. | | 1.5 | | A.1.2 | | [1], [3] | |
| 7 | **Chương 3: Các nghiệp vụ cơ bản trên phần mềm kế toán (tiếp)**  Phân hệ kế toán Bán hàng (KTBH)  3.8. Khái niệm quy trình bán hàng.  3.9. Các chức năng trên phân hệ Bán hàng.  3.10. Các nghiệp vụ phát sinh – nhập liệu trên PMKT. | CLO4, CLO5 | - Tìm hiểu các nghiệp vụ kế toán mua hàng và công nợ phải trả trong tài liệu [1], [3]  - Làm bài tập thực hành (BTTH-01) | | 8 | Giảng viên:  - Thuyết giảng nội dung bài học  - Hướng dẫn thao tác liên quan đến KTBH và công nợ phải thu. | | 3 | |  | |  | |  | |  | | A.1.2 | | [1], [3] | |
| 8 | **Chương 3: Các nghiệp vụ cơ bản trên phần mềm kế toán (tiếp)**  Phân hệ kế toán Vốn bằng tiền  3.11. Khái niệm về quy trình thanh toán  3.12. Các chức năng trên phân hệ Quỹ và phân hệ Ngân hàng.  3.13. Các nghiệp vụ phát sinh – nhập liệu trên PMKT. | CLO4, CLO5 | - Tìm hiểu các nghiệp vụ kế toán thanh toán và kế toán tổng hợp trên PMKT trong tài liệu [1], [3]  - Làm bài tập thực hành (BTTH-01) | | 8 | Giảng viên:  - Thuyết giảng nội dung môn học  - Hướng dẫn thao tác các chức năng liên quan đến kế toán vốn bằng tiền | | 3 | |  | |  | | - Cung cấp bài giảng VD-04 - Hướng dẫn Sinh viên thực hành kế toán vốn bằng tiền | | 1,5 | | A.1.2 | | [1], [3] | |
| 9 | **Chương 4: Kế toán tổng hợp trên phần mềm**  4.1. Thực hành được các nghiệp vụ các bút toán cuối kỳ. | CLO3, CLO5 | - Tìm hiểu các nghiệp vụ kế toán thanh toán và kế toán tổng hợp trên PMKT trong tài liệu [1], [3]  - Làm bài tập tự luận trên LMS (BTTL-04) – tiếp | | 8 | Giảng viên:  - Thuyết giảng nội dung môn học  - Thao tác các bút toán cuối kỳ. | | 3 | |  | |  | |  | |  | | A.1.1 | | [1], [2] [3] | |
| 10 | **Chương 4: Kế toán tổng hợp trên phần mềm (tiếp)**  4.2. Thiết lập các tài khoản kết chuyển và xác định kết quả kinh doanh.  4.3. Khóa sổ và tạo lập BCTC.  **Chương 5: Khai thác thông tin kế toán trên PMKT**  5.1. Báo cáo và. Sổ sách kế toán  5.2. Kết xuất báo cáo kế toán từ PMKT | CLO3, CLO5 | Hướng dẫn cho sinh viên cách thiết lập TK kết chuyển, khóa sổ, tạo lập sổ sách, báo cáo kế toán và thực hiện kết xuất báo cáo từ phần mềm trong tài liệu [1], [3].  - Làm bài tập thực hành (BTTH-01) | | 8 | Giảng viên:  - Thuyết giảng nội dung môn học  - Thao tác các nghiệp vụ kế toán, kết chuyển, xác định kết quả kinh doanh và kết xuất BC | | 3 | |  | |  | |  | |  | | A.1.2 | | [1], [3] | |
| 11 | Ôn tập, trao đổi các nội dung đã học  **Kiểm tra giữa kỳ** | CLO1, CLO2, CLO3, CLO4 | - Ôn tập các bài đã học | | 8 | Giảng viên ôn tập và trả lời câu hỏi cho sinh viên trực tiếp | | 3 | |  | |  | |  | |  | |  | | [1], [2], [3] | |
| 12 | **Chương 6: Quản lý dữ liệu kế toán**  6.1. Tổ chức dữ liệu kế toán thông qua mô hình liên kết thực thể.  6.2. Truy vấn dữ liệu kế toán. | CLO3, CLO5 | Tìm hiểu quản lý dữ liệu kế toán trên ứng dụng trong các tài liệu [1], [2] và [3]  - Làm bài tập tự luận trên LMS (BTTL-01) | | 8 | Giảng viên:  - Thuyết giảng nội dung môn học  - hướng dẫn sinh viên các nội dung ôn tập | | 3 | |  | |  | |  | |  | | A.1.1 | | [1], [2] | |
| 13 | **Chương 6: Quản lý dữ liệu kế toán (tiếp)**  6.3. Tác động của CNTT đến lưu trữ dữ liệu kế toán.  Ôn tập |  | Sinh viên ôn tập các nội dung đã học  - Làm bài tập thực hành (BTTH-01) | | 8 | Giảng viên giảng bài và tóm tắt nội dung môn học, lưu ý những điểm quan trọng và trả lời câu hỏi của sinh viên | | 3 | |  | |  | |  | |  | | A.1.1, A.1.3 | | [1], [2] | |
| Tổng cộng/Total | | | |  | **105** | |  | | **39** | |  | | **0** | |  | | **6** | |  | |  |

* 1. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của môn học và phương pháp giảng dạy – phương pháp đánh giá

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/ Buổi**  **Week section** | **Nội dung**  **Content** | **CĐR môn học**  **CLOS** | **Hình thức dạy học**  **Teaching and learning methods** | **Hình thức đánh giá** |
| 1 | **Giới thiệu môn học**  **Chương 1: Tiếp cận phần mềm kế toán**  1.1 Giới thiệu mô hình hoạt động của PMKT.  1.2 Lợi ích của việc ứng dụng PMKT.  1.3 Phân loại PMKT.  1.4 Quy định về tiêu chuẩn và điều kiện của PMKT.  1.5 Điều kiện cho việc áp dụng PMKT tại DN.  1.6 Lựa chọn PMKT tại DN.  1.7 Tiếp cận PMKT. | CLO1: Tiếp cận phần mềm kế toán.  CLO2: Lựa chọn phần mềm kế toán cho doanh nghiệp | - Thuyết giảng nội dung bài học  - Hướng dẫn sinh viên trao đổi, làm bài tại lớp | - Làm bài tập thảo luận trên LMS (TL-01) |
| 2 | **Chương 2: Những khai báo ban đầu trên phần mềm kế toán**  2.1 Triển khai PMKT thương phẩm trong doanh nghiệp  2.2 Các bước cài đặt PMKT  2.3 Những khai báo ban đầu trên PMKT | CLO3: Tổ chức dữ liệu kế toán trong cơ sở dữ liệu của phần mềm.  CLO5: Phối hợp thực hiện công việc được giao hiệu quả và đúng thời gian. | - Thuyết giảng nội dung bài học  - Hướng dẫn sinh viên làm bài tập | - Làm bài tập thực hành (BTTH-01) |
| 3 | **Chương 3: Các nghiệp vụ cơ bản trên phần mềm kế toán**  Kế toán mua hàng (KTMH) và công nợ phải trả  3.1. Khái niệm quy trình mua hàng  3.2. Các chức năng trên phân hệ KTMH  3.3. Các nghiệp vụ phát sinh – nhập liệu trên PMKT.  3.4. Một số lỗi thường gặp khi Thực hành được các nghiệp vụ trên PMKT. | CLO4: Nhập liệu, xử lý dữ liệu và kết xuất báo cáo từ phần mềm.  CLO5: Phối hợp thực hiện công việc được giao hiệu quả và đúng thời gian. | - Thuyết giảng nội dung bài học  - Hướng dẫn sinh viên thao tác trên PMKT minh họa | - Làm bài tập thực hành (BTTH-01) |
| 4 | **Chương 3: Các nghiệp vụ cơ bản trên phần mềm kế toán (tiếp)**  Phân hệ kế toán Kho và Phân hệ kế toán TSCĐ  3.5. Khái niệm quy trình kho và mua sắm TSCĐ  3.6. Các chức năng trên phân hệ Kho và phân hệ TSCĐ.  3.7. Các nghiệp vụ phát sinh – nhập liệu trên PMKT. | CLO4: Nhập liệu, xử lý dữ liệu và kết xuất báo cáo từ phần mềm.  CLO5: Phối hợp thực hiện công việc được giao hiệu quả và đúng thời gian. | - Thuyết giảng nội dung bài học  - Hướng dẫn sinh viên làm bài tập | - Làm bài tập thực hành (BTTH-01) |
| 5 | **Chương 3: Các nghiệp vụ cơ bản trên phần mềm kế toán (tiếp)**  Phân hệ kế toán Bán hàng (KTBH)  3.8. Khái niệm quy trình bán hàng.  3.9. Các chức năng trên phân hệ Bán hàng.  3.10. Các nghiệp vụ phát sinh – nhập liệu trên PMKT. | CLO4: Nhập liệu, xử lý dữ liệu và kết xuất báo cáo từ phần mềm.  CLO5: Phối hợp thực hiện công việc được giao hiệu quả và đúng thời gian. | - Thuyết giảng nội dung bài học  - Hướng dẫn sinh viên thao tác trên PMKT minh họa | - Làm bài tập thực hành (BTTH-01) |
| 6 | **Chương 3: Các nghiệp vụ cơ bản trên phần mềm kế toán (tiếp)**  Phân hệ kế toán Vốn bằng tiền  3.11. Khái niệm về quy trình thanh toán  3.12. Các chức năng trên phân hệ Quỹ và phân hệ Ngân hàng.  3.13. Các nghiệp vụ phát sinh – nhập liệu trên PMKT.  **Chương 4: Kế toán tổng hợp trên phần mềm**  4.1. Thực hành được các nghiệp vụ các bút toán cuối kỳ. | CLO3: Tổ chức dữ liệu kế toán trong cơ sở dữ liệu của phần mềm.  CLO4: Nhập liệu, xử lý dữ liệu và kết xuất báo cáo từ phần mềm.  CLO5: Phối hợp thực hiện công việc được giao hiệu quả và đúng thời gian. | - Thuyết giảng nội dung bài học  - Hướng dẫn sinh viên làm bài tập | - Làm bài tập thực hành (BTTH-01) |
| 7 | **Chương 4: Kế toán tổng hợp trên phần mềm (tiếp)**  4.2. Thiết lập các tài khoản kết chuyển và xác định kết quả kinh doanh.  4.3. Khóa sổ và tạo lập BCTC.  Kiểm tra giữa kỳ  **Chương 5: Khai thác thông tin kế toán trên PMKT**  5.1. Báo cáo và. Sổ sách kế toán  5.2. Kết xuất báo cáo kế toán từ PMKT | CLO3: Tổ chức dữ liệu kế toán trong cơ sở dữ liệu của phần mềm.  CLO5: Phối hợp thực hiện công việc được giao hiệu quả và đúng thời gian. | - Thuyết giảng nội dung bài học  - Hướng dẫn sinh viên làm bài tập và thao tác trên PMKT. | - Làm bài tập thực hành (BTTH-01)  - Kiểm tra giữa kỳ |
| 8 | **Chương 6: Quản lý dữ liệu kế toán**  6.1. Tổ chức dữ liệu kế toán thông qua mô hình liên kết thực thể.  6.2. Truy vấn dữ liệu kế toán.  6.3. Tác động của CNTT đến lưu trữ dữ liệu kế toán.  Ôn tập | CLO3: Tổ chức dữ liệu kế toán trong cơ sở dữ liệu của phần mềm.  CLO5: Phối hợp thực hiện công việc được giao hiệu quả và đúng thời gian. | - Thuyết giảng nội dung bài học  - Hướng dẫn sinh viên trao đổi, làm bài tại lớp  - Lưu ý ôn tập cho sinh viên | - Làm bài tập tự luận trên LMS (BTTL-01) |

9. Quy định của môn học/Course policy

- Quy định về nộp bài tập, bài kiểm tra:

* Sinh viên phải hoàn thành bài tập, bài kiểm tra, bài thảo luận theo thời gian quy định.

- Quy định về chuyên cần:

* Sinh viên cần tham dự đầy đủ các buổi học và thực hiện các hoạt động học tập tại lớp.

- Nội quy lớp học:

* Sinh viên tích cực tham gia thảo luận và hoàn thành các hoạt động học tập được giao.
* Sinh viên đọc trước văn bản, tài liệu được yêu cầu.
* Sinh viên không tham gia bất kỳ hoạt động nào trên LMS thì sẽ không có điểm quá trình.

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 20*

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỞNG KHOA............**  **DEAN OF THE FACULTY**  *(Ký và ghi rõ họ tên-Signed with fullname)* | **GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN**  **ACADEMIC**  *(Ký và ghi rõ họ tên- Signed with fullname)* |

|  |  |
| --- | --- |
| TS. Hồ Hữu Thụy | TS. Vũ Quốc Thông |

**PHỤC LỤC ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC**

RUBRICS (bảng tiêu chí đánh giá)

**RUBRICS 1**

**Bài tập tự luận – tình huống**

| **Thành phần đánh giá** | **Bài đánh giá** | **CĐR môn học** | | **Mức độ đánh giá** | | | | **Tỷ**  **lệ** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Trung bình**  **(4.0 – 6.4 điểm)** | **Khá (6.5– 7.9 điểm)** | **Giỏi (8.0 – 8.9 điểm)** | **Xuất sắc (9 - 10 điểm)** |
| **A1. Đánh giá quá trình** | **A.1.1 Bài tập tự luận**  **Sinh viên làm bài tập tự luận** | CLO1: Tiếp cận phần mềm kế toán.  CLO3: Tổ chức dữ liệu kế toán trong cơ sở dữ liệu của phần mềm.  CLO5: Phối hợp thực hiện công việc được giao hiệu quả và đúng thời gian. | | - Làm đầy đủ bài tập và chấp hành đúng thời hạn quy định theo yêu cầu của giảng viên, đạt từ 40-64%.  - Phân tích và trình bày các nội dung của câu hỏi yêu cầu, đạt từ 40-64%. | - Làm đầy đủ bài tập và chấp hành đúng thời hạn quy định theo yêu cầu của giảng viên, đạt từ 65-79%.  - Phân tích và trình bày các nội dung của câu hỏi yêu cầu, đạt từ 65-79%. | - Làm đầy đủ bài tập và chấp hành đúng thời hạn quy định theo yêu cầu của giảng viên, đạt từ 80-89%.  - Phân tích và trình bày các nội dung của câu hỏi yêu cầu, đạt từ 80-89%. | - Làm đầy đủ bài tập và chấp hành đúng thời hạn quy định theo yêu cầu của giảng viên, đạt từ 90% trở lên.  - Phân tích và trình bày các nội dung của câu hỏi yêu cầu, đạt từ 90% trở lên. | **5%** |
| **Tổng cộng** | | |  |  |  |  |  | **5%** |

**RUBRICS 2**

**Bài tập thực hành**

| **Thành phần đánh giá** | **Bài đánh giá** | **CĐR môn học** | | **Mức độ đánh giá** | | | | **Tỷ**  **lệ** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Trung bình**  **(4.0 – 6.4 điểm)** | **Khá (6.5– 7.9 điểm)** | **Giỏi (8.0 – 8.9 điểm)** | **Xuất sắc (9 - 10 điểm)** |
| **A1. Đánh giá quá trình** | **A.1.2 Bài tập thực hành trong quá trình học** | CLO3: Tổ chức dữ liệu kế toán trong cơ sở dữ liệu của phần mềm.  CLO4: Nhập liệu, xử lý dữ liệu và kết xuất báo cáo từ phần mềm. | | - Làm đầy đủ bài tập và chấp hành đúng thời hạn quy định theo yêu cầu của giảng viên, đạt từ 40-64%.  - Thực hiện thao tác nhập liệu các bước trong quy trình kinh doanh, đạt từ 40-64%. | - Làm đầy đủ bài tập và chấp hành đúng thời hạn quy định theo yêu cầu của giảng viên, đạt từ 65-79%.  - Thực hiện thao tác nhập liệu các bước trong quy trình kinh doanh, đạt từ 65-79%. | - Làm đầy đủ bài tập và chấp hành đúng thời hạn quy định theo yêu cầu của giảng viên, đạt từ 80-89%.  - Thực hiện thao tác nhập liệu các bước trong quy trình kinh doanh, đạt từ 80-89%. | - Làm đầy đủ bài tập và chấp hành đúng thời hạn quy định theo yêu cầu của giảng viên, đạt từ 90% trở lên.  - Thực hiện thao tác nhập liệu các bước trong quy trình kinh doanh, đạt từ 90% trở lên. | **10%** |
| **Tổng cộng** | | |  |  |  |  |  | **10%** |

**RUBRICS 3**

**Bài thảo luận**

| **Thành phần đánh giá** | **Bài đánh giá** | **CĐR môn học** | | **Mức độ đánh giá** | | | | **Tỷ**  **lệ** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Trung bình**  **(4.0 – 6.4 điểm)** | **Khá (6.5– 7.9 điểm)** | **Giỏi (8.0 – 8.9 điểm)** | **Xuất sắc (9 - 10 điểm)** |
| **A1. Đánh giá quá trình** | **A.1.3**  **Bài tập thảo luận TL01 nộp trên hệ thống LMS và trao đổi với Giảng viên** | CLO1: Tiếp cận phần mềm kế toán.  CLO2: Lựa chọn phần mềm kế toán cho doanh nghiệp. | | - Tham gia thảo luận đầy đủ và chấp hành đúng thời hạn quy định theo yêu cầu của giảng viên, đạt từ 40-64%.  - Phân tích và đánh giá các nội dung mà bài tập thảo luận yêu cầu, có giải thích, đạt từ 40-64%. | - Tham gia thảo luận đầy đủ và chấp hành đúng thời hạn quy định theo yêu cầu của giảng viên, đạt từ 65-79%.  - Phân tích và đánh giá các nội dung mà bài tập thảo luận yêu cầu, có giải thích, đạt từ 65-79%. | - Tham gia thảo luận đầy đủ và chấp hành đúng thời hạn quy định theo yêu cầu của giảng viên, đạt từ 80-89%.  - Phân tích và đánh giá các nội dung mà bài tập thảo luận yêu cầu, có giải thích, có giải thích, đạt từ 80-89%. | - Tham gia thảo luận đầy đủ và chấp hành đúng thời hạn quy định theo yêu cầu của giảng viên, đạt từ 90% trở lên.  - Phân tích và đánh giá các nội dung mà bài tập thảo luận yêu cầu, có giải thích, đạt từ 90% trở lên. | **5%** |
| **Tổng cộng** | | |  |  |  |  |  | **5%** |

**Ma trận đề thi 1 (Đánh giá giữa kỳ)**

**Bài tập tự luận**

| Thành phần đánh giá | Bài đánh giá | CĐR môn học | **Mức độ đánh giá** | | | | | **Tỷ**  **lệ** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Không đạt**  **(0 – 3.9 điểm)** | **Trung bình**  **(4.0 – 6.4 điểm)** | **Khá (6.5– 7.9 điểm)** | **Giỏi (8.0 – 8.9 điểm)** | **Xuất sắc (9 - 10 điểm)** |
| A2. Đánh giá giữa kỳ | **A.2,1 Bài kiểm tra giữa kỳ cá nhân** | CLO3: Tổ chức dữ liệu kế toán trong cơ sở dữ liệu của phần mềm. | * Khai báo các thông số khi khởi tạo CSDL kế toán bị sai sót nhiều. * Chưa thực hiện việc khai báo dữ liệu danh mục và nhập số dư đầu | * Khai báo các thông số khi khởi tạo CSDL kế toán bị sai sót ít hơn. * Thực hiện việc khai báo dữ liệu danh mục và nhập số dư đầu chưa đầy đủ. | * Khai báo các thông số khi khởi tạo CSDL kế toán chính xác. * Thực hiện việc khai báo dữ liệu danh mục và nhập số dư đầu còn nhiều sai sót | * Khai báo các thông số khi khởi tạo CSDL kế toán chính xác. * Thực hiện việc khai báo dữ liệu danh mục và nhập số dư đầu ít sai sót | * Khai báo các thông số khi khởi tạo CSDL kế toán chính xác. * Thực hiện việc khai báo dữ liệu danh mục và nhập số dư đầu chính xác. | **30%** |
| CLO4: Nhập liệu, xử lý dữ liệu và kết xuất báo cáo từ phần mềm. | Thao tác nhập liệu và xử lý bị sai sót rất nhiều.  Chưa trích xuất được các số sách, báo cáo theo yêu cầu. | Thao tác nhập liệu và xử lý bị sai sót ít.  Trích xuất được các sổ sách, báo cáo theo yêu cầu còn hạn chế, còn sai sót về thời gian (kỳ) kết xuất. | Thao tác nhập liệu và xử lý ở mức độ vừa đạt.  Trích xuất được các sổ sách, báo cáo theo yêu cầu, còn sai sót về thời gian (kỳ) kết xuất. | Thao tác nhập liệu và xử lý ở mức độ đạt hoàn toàn.  Trích xuất được các sổ sách, báo cáo theo yêu cầu. | Thao tác nhập liệu và xử lý ở mức độ đạt hoàn toàn.  Trích xuất được các sổ sách, báo cáo theo yêu cầu. |
| **Tổng cộng** | |  |  |  |  |  |  | **30%** |

**Ma trận đề thi 2 (Đánh giá cuối kỳ)**

**(50 câu hỏi trắc nghiệm)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Đề thi trắc nghiệm cuối kỳ bao gồm:** | | | | | | | |
| **Cấp độ**  **Chương** | **Cấp độ 1** | | **Cấp độ 2** | | **Cấp độ 3** | | **Cộng** |
| TN | TL | TN | TL | TN | TL |
| **Chương 1** | **CLO1** |  | **CLO2** |  |  |  |  |
| *Số câu*  *Số điểm* | *6*  *1,2* |  | *2*  *0,4* |  |  |  | *Số câu 8*  *1,6 điểm =16%* |
| **Chương 3** | **CLO2** |  |  |  | **CLO4** |  |  |
| *Số câu*  *Số điểm* | *6*  *1,2* |  |  |  | *3*  *0,6* |  | *Số câu 3*  *1,8 điểm =18%* |
|  |  |  | **CLO3** |  |  |  |  |
| *Số câu*  *Số điểm* |  |  | *2*  *0,4* |  |  |  | *Số câu 1*  *0,4 điểm = 4%* |
| **Chương 4** | **CLO2** |  |  |  | **CLO4** |  |  |
| *Số câu*  *Số điểm* | *9*  *1,8* |  |  |  | *3*  *0,6* |  | *Số câu 4*  *2,4 điểm = 24%* |
|  |  |  | **CLO3** |  |  |  |  |
| *Số câu*  *Số điểm* |  |  | *3*  *0,6* |  |  |  | *Số câu*  *0,6 điểm = 6%* |
| **Chương 5** | **CLO2** |  |  |  | **CLO4** |  |  |
| *Số câu*  *Số điểm* | *6*  *1,2* |  |  |  | *1*  *0,2* |  | *Số câu 3*  *1,4 điểm =14%* |
|  |  |  | **CLO3** |  |  |  |  |
| *Số câu*  *Số điểm* |  |  | *1*  *0,2* |  |  |  | *Số câu 1*  *0.2 điểm = 2%* |
| **Chương 6** | **CLO2** |  |  |  |  |  |  |
| *Số câu*  *Số điểm* | *6*  *1,2* |  |  |  |  |  | *Số câu 2*  *1,2 điểm = 12%* |
|  |  |  | **CLO3** |  |  |  |  |
| *Số câu*  *Số điểm* |  |  | *2*  *0,4* |  |  |  | *Số câu 1*  *0.4 điểm = 4%* |
| Tổng số câu TN  Tổng số điểm TN | *33*  *6,6*  *66%* |  | 10  2,0  20 % |  | 7  1,4  14 % |  | *Số câu* 50  Số điểm: 10  100% |